

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 507/2018/HS-ST

Ngày: 30-11-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 512/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1) **Vũ Đức M**, sinh ngày 29/3/1979, tại Thái Nguyên

HKTT và chỗ ở: tổ 3X, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; Con ông: Vũ Văn M1, sinh năm 1949 và bà: Lương Thị M2, sinh năm 1950; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ: Hồ Thị Kim O - sinh năm 1978 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con chung sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2018 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa.

2) **Đào Đức B**, sinh ngày 12/01/1974, tại Hưng Yên

HKTT: tổ 1Y, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, chỗ ở: tổ 1Z, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, nghề nghiệp: kinh doanh nhà nghỉ; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; Con ông: Đào Đức Kh, sinh năm 1932 và bà: Đào Thị L (đã chết); Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu, có vợ: Nguyễn Thị Nh - sinh năm 1975 (bị cáo trong cùng vụ án) ; bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: 01 -Tại bản án số 24/HSST ngày 16/3/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 (ba) năm tù giam về tội “Giết người”. Đã được xóa án tích theo giấy chứng nhận số 01/2010/GCN-CA ngày 26/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện tại ngoại-Có mặt tại phiên tòa

3) **Nguyễn Thị Nh**, sinh ngày 06/12/1975, tại Hưng Yên

HKTT: tổ 1Y, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: tổ 1N, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: kinh doanh nhà nghỉ; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất, có chồng: Đào Đức B - sinh năm 1974; bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: 01- Tại bản án số 274/2009/HSST ngày 27/8/2009 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 17/5/2012.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 17/9/2018 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa.

4) **Lê Văn H1**, sinh ngày 09/8/1990, tại Thái Nguyên

HKTT: xóm TT, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Văn H2 (đã chết) và bà: Lê Thị H3, sinh năm 1951; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy, có vợ: Lộc Thu Th1 - sinh năm 1985; bị cáo có 01 con chung sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 5/9/2018 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa.

5) **Phùng Văn Kh**, sinh ngày 10/12/1973, tại Thái Nguyên

HKTT và chỗ ở: xóm M LH, xã VTr, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; Con ông: Phùng Văn H4 (đã chết) và bà: Bùi Thị V (đã chết) ; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất, có vợ: Ngô Thị M1 - sinh năm 1975 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: 01- Tại Quyết định số 1644 ngày 02/8/2010 của UBND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bắt buộc cai nghiện thời hạn 18 tháng tại Trung tâm CB-GD- LDXH huyện Phú Lương.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2018 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa.

6) **Hoàng Văn S2**, sinh ngày 01/2/1964, tại Thái Nguyên

HKTT và chỗ ở: thôn TrT, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Tày; Con ông: Hoàng Văn Đ1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị A, sinh năm 1942; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em,

bị cáo là con thứ hai, có vợ: Đào Thị Th2 - sinh năm 1971; bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: 02.

- Tại Bản án số 47 ngày 18/8/1983 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”. Chấp hành xong bản án ngày 30/6/2009;

- Tại Bản án số 26/2009/HSST ngày 08/4/2009 Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 22/1/2012

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2018 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1955 Trú tại: tổ 1Z, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Người làm chứng:**

1) Anh Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Trú tại: tổ N, phường PDP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2) Anh Hà Văn C1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu B, xã BV, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn

3) Anh Lưu Sỹ A1, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Trú tại: xóm D3, xã VY, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Hiện Hà Văn C1 và Lưu Sỹ A1 đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở tư vấn và điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Thái Nguyên.

***Người chứng kiến:**

1) Ông Lê Văn Th1, sinh năm 1957 (vắng mặt tại phiên tòa)

HKTT: tổ 1Z, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

2) Bà Trần Mai Kh, sinh năm 1954 (vắng mặt tại phiên tòa)

HKTT: tổ 1Z, phường QTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Đức B và Nguyễn Thị Nh là vợ chồng, do không có việc làm thuê nhà của bà Phạm Thị L (sinh năm 1955, trú tại: tổ 1Z, phường QTr, TPTN) để kinh doanh nhà trọ từ năm 2016 và lấy tên Nhà trọ Lan A1. Thời gian gần đây do nhà trọ Lan A1 đã xuống cấp đồng thời Bến xe khách TN chuyển đi nơi khác nên không có khách đến thuê phòng nghỉ, B và Nh đã cho các đối tượng nghiện ma túy đến thuê phòng sử dụng ma túy để thu tiền kiếm lời, mỗi người đến thuê phòng sử dụng ma túy B và Nh đã thu tiền là 20.000 đồng/01 lượt. Do B quen Vũ Đức M là người bán ma túy nên khi có khách đến thuê phòng hỏi mua ma túy để

sử dụng, B sẽ gọi điện thông báo cho M biết để đến bán ma túy cho khách của B, nếu bán được ma túy cho mỗi người thì M phải trả cho B 10.000 đồng.

Khoảng 12 giờ ngày 05/9/2018, B và Nh có Kh, S2, H1, Sỹ A1 và C1 đến thuê phòng để sử dụng ma túy đồng thời những người trên hỏi B có mua ma túy thì mua để sử dụng, B đồng ý và bảo những người trên về phòng trọ đợi và chưa thu tiền thuê phòng của những người này. Sau đó B gọi điện thoại cho M đến bán ma túy, M đồng ý đi đến nhà trọ Lan A1 để bán ma túy. Tại nhà trọ M đã bán cho Kh, S2 (tại phòng số 01), C1 và Sỹ A1 (ở phòng số 2) mỗi người 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng và bán cho H 1 01 gói Heroine với giá 200.000 đồng (ở phòng số 2), H1 nhận Heroine tuy nhiên chưa trả tiền và cầm gói Heroine đi về phòng trọ số 5 để sử dụng.

Hồi 13 giờ ngày 05/9/2018, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành đến Nhà trọ Lan A1 tại tổ 1Y, phường QTr phát hiện tại phòng số 01 của Nhà trọ Lan A1 có 03 người đàn ông (sau xác định là Vũ Đức M, Phùng Văn Kh và Hoàng Văn S2). M, Kh và S2 đều khai nhận có cất giấu ma túy(Heroine) trong người và mỗi người tự giác giao nộp 01 gói chất bột màu trắng. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng và 400.000 đồng. Phòng số 05 của Nhà trọ Lan A1, phát hiện có 01 nam thanh niên (sau xác định là Lê Văn H1), H1 khai nhận bản thân có cất giấu ma túy, tự giác lấy từ túi quần phía trước bên phải H1 đang mặc ra 01 gói ni lông, bên trong có 01 gói giấy màu trắng chứa chất bột màu trắng và giao nộp. Kiểm tra phòng số 02 nhà trọ Lan A1, phát hiện có 02 nam thanh niên là : Lưu Sỹ A 1 (sinh năm 1994, trú tại: xóm D3, xã VY, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên) và Hà Văn C 1 (sinh năm 1982, trú tại: khu B, xã BV, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn), Sỹ A1 và C1 khai nhận mỗi người vừa mua của Vũ Đức M 01 gói ma túy Heroine với giá 100.000 đồng, vừa sử dụng xong thì bị tổ công tác phát hiện, tổ công tác thu giữ của Sỹ A1 01 mảnh giấy bạc màu trắng bị cháy đen một góc, thu giữ của C1 01 xi lanh nhựa, đã qua sử dụng. Phát hiện tại phía ngoài nhà trọ 01 người đàn ông là: Nguyễn Thanh B1(sinh năm 1968, trú tại: tổ N, phường PĐP, TPTN), B1 khai nhận đến Nhà trọ Lan A1 để thuê phòng sử dụng ma túy , đồng thời mua ma túy để sử dụng tại chỗ nhưng chưa kịp thuê phòng và mua ma túy sử dụng thì bị tổ công tác phát hiện, tuy nhiên hồi 9h sáng cùng ngày B1 đã đến hỏi mua ma túy của B, sau đó M đã bán cho B1 100.000đ, B1 đã sử dụng hết tại nhà trọ Lan A1. Ngoài ra Hà Văn C1 xác định 9h sáng ngày 05/9/2018 cũng đến nhà trọ thuê phòng và hỏi B để mua ma túy, sau đó có mua của M ma túy và sử dụng hết.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Đức M tại tổ 3X, phường QTr, TPTN, phát hiện , thu giữ : 01 chiếc cân điện tử bằng nhựa , màu đen , nhãn hiệu POCKET SCALE tại giường ngủ của Vũ Đức M. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Đức B và Nguyễn Thị Nh tại nhà trọ Lan A1 thuộc tổ 1Y, phường QTr, TPTN, phát hiện, thu giữ tại các phòng nghỉ : 11 xi lanh nhựa , đã qua sử

dụng, ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của Đào Đức B 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu vàng, đã qua sử dụng

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Vũ Đức M là: 0,044 gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong ký hiệu M 1 gửi giám định; Khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Phùng Văn Kh là: 0,117 gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong ký hiệu K1 gửi giám định; Khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Hoàng Văn S2 là: 0,157 gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong ký hiệu S 1 gửi giám định; Khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của H1 là: 0,193 gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong ký hiệu H 1 gửi giám định; Tiến hành mở niêm phong, kiểm tra nội dung của chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu đen, lắp sim 0886075562 thu giữ của Vũ Đức M, nội dung: phần gọi đến hồi 11 giờ 58 phút ngày 05/9/2018 có số thuê bao 0988.395.576 gọi đến, thời gian cuộc gọi 07 giây. Tiến hành mở niêm phong, kiểm tra nội dung của chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu vàng, lắp sim 0988395576 thu giữ của Đào Đức B, nội dung: phần gọi đi hồi 11 giờ 58 phút ngày 05/9/2018 gọi đến số thuê bao 0886075562, thời gian cuộc gọi 07 giây.

Tại bản Kết luận giám định số 1029 ngày 13/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

Chất bột màu trắng thu của trong mẫu M1 của Vũ Đức M gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,044 gam;

Chất bột màu trắng trong mẫu K1 của Phùng Văn Kh gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,117 gam;

Chất bột màu trắng trong mẫu S 1 của Hoàng Văn S2 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,157 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 1023 ngày 11/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu H 1 của Lê Văn H1 gửi giám định là chất ma túy , loại Heroine, có khối lượng là : 0,193 gam .

Bản cáo trạng số 511/CT-VKSTPTN ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên , tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Phùng Văn Kh, Hoàng Văn S 2, Lê Văn H1 về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Vũ Đức M về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Đào Đức B về tội : “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị Nh về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội như tội danh đã truy tố.

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, điểm d khoản 2 Điều 256, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đào Đức B từ 08-09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07-08 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15-17 năm tù.

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vũ Đức M từ 08-09 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh từ 07-08 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Phùng Văn Kh, Hoàng Văn S2, Lê Văn H1 từ 18-24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đào Đức B, Nguyễn Thị Nh, Vũ Đức M, Phùng Văn Kh, Hoàng Văn S2, Lê Văn H1.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS :

Tịch thu tiêu hủy 04 bì niêm phong ký hiệu M1, S1, K1, H1, 01 mảnh giấy bạc màu trắng, bì cháy đen một góc, 12 xi lanh nhựa, đã qua sử dụng, 01 chiếc cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện di động nhãn hiệu Sam Sung thu của các bị cáo và 400.000 đồng.

Áp dụng Điều 138 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Phần tranh luận: Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình mong hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, với lời khai người chứng kiến sự việc; phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên về số chất bột màu trắng thu của các bị cáo là chất ma túy, loại Hêrôin.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do nhà nghỉ xuống cấp và kinh doanh không có khách nên Đào Đức B đã cho các đối tượng nghiện thuê phòng trọ để sử dụng ma túy, đồng thời nếu đối tượng nghiện không có ma túy thì B liên hệ với Vũ Đức M để bán ma túy tại nhà nghỉ của mình nhiều lần tuy nhiên M không nhớ ngày. Hồi 12 giờ ngày 5/9/2018 khi Đào Đức B cùng với Nguyễn Thị Nh đang ngồi ăn cơm thì có Lê Văn H1, Phùng Văn Kh, Hoàng Văn S2, Lưu Sỹ A1 và Hà Văn C 1 đến thuê các phòng trọ để sử dụng ma túy, do các đối tượng chưa có ma túy nên B đã gọi điện cho M. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày M đến nhà trọ Lan A1 bán cho Sỹ A1, C1, Kh, S2 mỗi người 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng, bán cho H1 01 gói với giá 200.000 đồng tuy nhiên chưa trả tiền. Đến 13 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác công an thành phố Thái Nguyên kiểm tra thu giữ của Kh 0,117 gam, S2 0,157 gam, H1 0,193 gam, M 0,044 gam qua giám định là Heroine. Kh, S2, H1 xác định số Heroin vừa mua của M để sử dụng, M xác định số Heroine mang đi để bán kiếm lời. Ngoài ra Hà Văn C1 khai sáng ngày 5/9/2018 và Lưu Sỹ A1 khai sáng 3/9/2018 có đến nhờ B liên hệ sau đó mua ma túy sử dụng tại nhà nghỉ trọ Lan A1.

Với hành vi mua Heroine mục đích để sử dụng có khối lượng trên 0,1 gam như trên hành vi của bị cáo Kh, S2, H1 đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Với hành vi nhiều lần gọi điện cho B đến nhà trọ Lan A1 bán ma túy trong đó ngày 5/9/2018 B đã bán cho Kh, S2, H1, A1, C1 như trên hành vi của bị cáo M, B đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự

Với hành vi cho các đối tượng nghiện Kh, S2, H1, A1, C1 thuê phòng trọ để sử dụng ma túy hành vi của bị cáo B, Nh đã phạm vào tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Nội dung các điều luật quy định:

Điều 249:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy ... thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c, Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ”

Điều 251:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây , thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

c, Đối với 02 người trở lên; ”

Điều 256:

“1. Người nào cho thuê ... địa điểm ... chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy ... thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây , thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d, Đối với 02 người trở lên;”

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền quản lý, sử dụng độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn và tội phạm khác. Tệ nạn ma túy hiện nay là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, hành vi của các bị cáo không chỉ hủy hoại sức khỏe của bản thân, làm suy thoái giống nòi, làm khánh kiệt kinh tế gia đình, phá hoại hạnh phúc gia đình mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo là người nghiện chất ma túy do đó phải nhận thức được tác hại của ma túy đối với người sử dụng, đối với xã hội và hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy bị nhà nước nghiêm cấm tuy nhiên bị cáo B, M vẫn tiếp tay cho việc mua bán, sử dụng chất ma túy đồng thời lấy lợi nhuận từ việc mua bán ma túy để phục vụ cho mình do đó phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân của các bị cáo thấy: các bị cáo B, Nh, S2 có nhân thân xấu năm 2004 bị cáo Đào Đức B bị xét xử về hành vi Giết người, năm 2009 bị cáo Nguyễn Thị Nh bị xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Hoàng Văn S2 bị xét xử 02 lần về hành vi Cướp tài sản công dân và Mua bán trái phép chất ma túy, đến nay các bản án đã xử đối với các bị cáo đã được xóa án tích do đó xem xét nhân thân của các bị cáo. Mặc dù các bị cáo đã bị xét xử về hành vi phạm tội khác nhau sau khi chấp hành các bản án không tu dưỡng, rèn luyện, mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội nên phải xét xử nghiêm khắc đối với các bị cáo tuy nhiên cũng xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo B hiện mắc bệnh suy thận mạn giai đoạn cuối, chạy thận chu kỳ và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng,

giữa bị cáo B và bị cáo Nh là 2 vợ chồng nên xem xét phần nào trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Vũ Đức M, Lê Văn H1 chưa có tiền án tiền sự do đó các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo Đào Đức B mặc dù biết hành vi bán ma túy là trái phép tuy nhiên với mục đích lợi nhuận đã tiếp tay cho Vũ Đức M để bán ma túy. Bị cáo Nguyễn Thị Nh biết B cho thuê nhà trọ để sử dụng trái phép chất ma túy do đó bị cáo đồng phạm với B trong tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên trong cả 2 tội giữa các bị cáo thực hiện đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò trách nhiệm do đó Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” và khoản 3 Điều 256 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng...tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” do đó các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo xác nhận của tại bản Tóm tắt hồ sơ Bệnh án ngày 13/9/2018 của Bệnh viện TW Thái Nguyên đối với bị cáo B xác định: Suy thận mạn giai đoạn cuối, chạy thận chu kỳ, chạy thận nhân tạo 3 buổi/ tuần và hàng tháng lĩnh trợ cấp xã hội. Đối với bị cáo M là đối tượng nghiện, không có việc làm ổn định, sống cùng bố mẹ và anh. Đối với các bị cáo H1, Kh, S2 là đối tượng nghiện, mua ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân đồng thời xem xét điều kiện hoàn cảnh của B, Nh, M thấy không có khả năng thi hành án do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng vụ án: Đối với các bì niêm phong bên trong chứa ma túy thu của các bị cáo, xy lanh nhựa đã qua sử dụng, cân điện tử cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 điện thoại Sam sung thu của bị cáo M, B các bị cáo dùng để liên hệ để bán ma túy và số tiền 400.000 đồng thu của bị cáo M là tiền bán ma túy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số Heroine Vũ Đức M khai đã mua của 01 người phụ nữ tên Hoa không rõ lai lịch, địa chỉ nên chưa có căn cứ làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lưu Sỹ A1 và Hà Văn C1 là những đối tượng có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” ngày 05/9/2018 tại Nhà trọ Lan A1 thuộc tổ 1Y, phường QTr, TPTN ngày 09/10/2018 đã bị Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Thái Nguyên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Thanh B 1 là người đến Nhà trọ Lan A1 thuộc tổ 1Y, phường QTr, TPTN vào ngày 05/9/2018 mục đích để mua ma túy sử dụng nhưng chưa kịp mua thì bị tổ công tác phát hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ngôi nhà nơi vợ chồng Đào Đức B và Nguyễn Thị Nh chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là nhà của bà Phạm Thị L tuy nhiên khi cho thuê nhà bà L không biết Đào Đức B và Nguyễn Thị Nh thuê nhà để chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với việc kê biên tài sản cũng như hành vi của bà Phạm Thị L.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Đức B phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Vũ Đức M phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Phùng Văn Kh, Hoàng Văn S2, Lê Văn H1 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS), xử phạt bị cáo Đào Đức B 08 (Tám) năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Đào Đức B 07 (Bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án.

2.2 Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vũ Đức M 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

2.3 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2018.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Phùng Văn Kh 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S2 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Thị Nh, Hoàng Văn S2, Lê Văn H1, Phùng Văn Kh mỗi bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 04 bì niêm phong ký hiệu M1, S1, K1, H1; 01 mảnh giấy bạc màu trắng bị cháy đen một góc; 12 (Mười hai) xi lanh nhựa đã qua sử dụng; 01 (một) cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 358252/05/159710/7; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358206/08/642810/0, số IMEI 2: 358207/08/642810/8 và 400.000đ (Bốn trăm nghìn) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Hiện vật chứng và số tiền nêu trên đang lưu giữ tại kho của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận số 81 lập ngày 30/11/2018 và ủy nhiệm chi số 129 ngày 29/11/2018).

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các Bị cáo Đào Đức B, Vũ Đức M, Nguyễn Thị Nh, Phùng Văn Kh, Lê Văn H1, Hoàng Văn S2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

[6] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các Bị cáo Đào Đức B, Vũ Đức M, Nguyễn Thị Nh, Phùng Văn Kh, Lê Văn H1, Hoàng Văn S2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Các Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền